

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Song Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Ngọc	Thành viên (từ ngày 13/4/2025)
Ông Hồ Lê Hùng	Thành viên (trước ngày 13/4/2025)
Bà Trịnh Thị Thúy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Ngọc
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 45/2026/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/3/2026, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Bùi Thị Ngọc Chi
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
6034-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.072.276.579	70.679.164.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.989.541.840	4.371.614.551
1. Tiền	111	5	1.989.541.840	4.371.614.551
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	7.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.1	17.000.000.000	7.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.294.793.726	13.449.039.530
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.871.812.900	10.875.945.560
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.374.060.677	2.436.160.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	128.920.149	216.933.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(80.000.000)	(80.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		31.697.780.054	38.214.836.337
1. Hàng tồn kho	141	10	31.697.780.054	38.214.836.337
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.090.160.959	6.943.674.272
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.090.160.959	6.943.674.272
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.131.691.199	82.702.749.020
I. Tài sản cố định	220		73.285.379.664	62.804.781.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	73.285.379.664	62.737.690.312
- Nguyên giá	222		224.657.823.745	208.796.895.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(151.372.444.081)	(146.059.205.450)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	67.091.256
- Nguyên giá	228		572.000.000	572.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(572.000.000)	(504.908.744)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250			-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9.2	307.875.000	307.875.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9.2	(307.875.000)	(307.875.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		18.846.311.535	19.897.967.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.846.311.535	19.897.967.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		163.203.967.778	153.381.913.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.390.360.157	41.295.846.009
I. Nợ ngắn hạn	310		35.516.894.798	41.120.246.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13.813.293.261	19.813.763.931
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.708.982.814	974.632.173
4. Phải trả người lao động	314		7.514.618.653	6.178.237.529
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	160.000.000	160.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.1	43.180.933	71.749.300
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.1	5.247.843.105	10.476.282.822
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	5.739.169.194	3.257.173.416
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.239.806.838	178.406.838
II. Nợ dài hạn	330		8.873.465.359	175.600.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	16.2	17.600.000	17.600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.2	8.855.865.359	158.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.813.607.621	112.086.067.701
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	118.813.607.621	112.086.067.701
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.500.000.000	19.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	84.435.026.543	82.435.026.543
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20a	14.878.581.078	10.151.041.158
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.551.041.158	54.333.490
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.327.539.920	10.096.707.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		163.203.967.778	153.381.913.710

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Lệ Hằng

Ninh Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	305.556.307.054	298.493.570.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	2.145.018.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	305.556.307.054	296.348.552.789
4. Giá vốn hàng bán	11	23	269.263.588.950	265.311.517.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.292.718.104	31.037.035.604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.312.706.393	2.638.619.248
7. Chi phí tài chính	22	25	1.134.684.666	1.763.897.330
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		592.069.882	647.111.330
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	7.291.615.631	7.216.628.761
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	14.782.398.376	11.686.009.944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		15.396.725.824	13.009.118.817
11. Thu nhập khác	31	27	162.364.936	138.620.128
12. Chi phí khác	32	28	56.903.385	391.218.780
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		105.461.551	(252.598.652)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.502.187.375	12.756.520.165
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.174.647.455	2.659.812.497
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.327.539.920	10.096.707.668
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	6.322	4.306

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Ninh Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.502.187.375	12.756.520.165
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	10.048.668.366	9.848.974.632
- Các khoản dự phòng	03		2.481.995.778	2.657.173.416
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.685.536	74.639.827
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(596.577.378)	(444.596.075)
- Chi phí lãi vay	06	25	592.069.882	647.111.330
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.059.029.559	25.539.823.295
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.630.871.288	469.740.997
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.517.056.283	(8.244.026.670)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.012.734.630)	843.484.952
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.051.655.917	185.809.825
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(592.069.882)	(647.111.330)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(2.437.716.097)	(2.305.598.954)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(638.600.000)	(442.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.577.492.438	15.399.722.115
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(24.799.127.972)	(4.331.386.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	27	130.000.000	57.407.424
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.000.000.000)	(7.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.700.000.000	7.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	466.577.378	387.188.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.502.550.594)	(4.586.789.925)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		31.511.122.600	45.153.959.819
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.068.635.866)	(50.542.237.289)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20a	(3.900.000.000)	(2.925.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(457.513.266)	(8.313.277.470)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.382.571.422)	2.499.654.720
(50=20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	4.371.614.551	1.855.576.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		498.711	16.383.211
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	1.989.541.840	4.371.614.551
(70=50+60+61)				

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ninh Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền



Nguyễn Lệ Hằng



Nguyễn Quang Ngọc